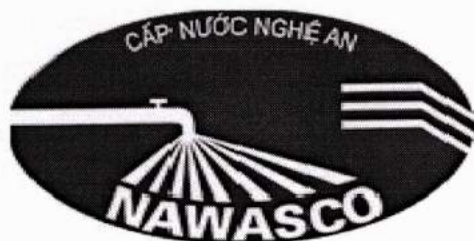


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2019**

*Tp Vinh, tháng 3 năm 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Số : **92** /BC-CTCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nghệ An, ngày **16** tháng 3 năm 2020*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN  
NĂM 2019**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội.

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900324240 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2006 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 9 năm 2018.

- Vốn điều lệ: 373.859.830.000 đồng

*( Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ tám trăm năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)*

- Địa chỉ: Số 32 - Đường Phan Đăng Lưu - Thành phố Vinh

- Số điện thoại: 02383.844.208

- Số fax: 02388.668.118

- Website: [www.nawasco.com.vn](http://www.nawasco.com.vn)

- Mã cổ phiếu: NAW

**Quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An tiền thân là Nhà máy nước Vinh được thành lập từ năm 1957. Công ty ban đầu chỉ có một cơ sở sản xuất với công suất nhỏ để cung cấp nước sạch cho khu trung tâm Thành phố Vinh.

Ngày 15/03/1995, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định số 590 UB/QĐ ngày 15/03/1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An, đồng thời giao nhiệm vụ mới cho Công ty mở rộng phạm vi hoạt động; tìm kiếm nguồn vốn đầu tư để mở rộng và nâng cấp hệ thống cấp nước tại thành phố Vinh và thị trấn các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Năm 1996, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Nghệ An về việc cấp nước cho thị trấn các huyện miền núi, Dự án cấp nước thị trấn 6 huyện Miền núi bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Hoàng gia Đan Mạch tài trợ. Dự án nhằm mục tiêu cung cấp nước sạch cho thị trấn

các huyện gồm Đô Lương, Anh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và Con Cuông với tổng công suất 6.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Năm 2001, Dự án hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng. Theo đó đã hình thành Xí nghiệp cấp nước các Thị trấn Miền núi, nay là Xí nghiệp cấp nước các Đô thị Miền Tây trực thuộc Công ty. Hiện tại, xí nghiệp 'Cấp nước các Đô thị miền Tây đang vận hành và quản lý 9 hệ thống cấp nước thuộc vùng miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An với tổng công suất hơn 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và tổng số lượng khách hàng dùng hơn 17.000 hộ.

Ngày 20/01/2006, theo Quyết định số 315/QĐ-UBND-ĐMDN của UBND tỉnh Nghệ An, trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty cấp nước Nghệ An sang Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

Ngày 12/2/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 5333/ QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An. Qua đó công ty đổi thành Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An với số vốn điều lệ 295.622.070.000 đồng, trong đó nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ.

Kể từ ngày 05/01/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240 thay đổi lần 4, chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ đăng ký là 295.622.070.000 đồng.

### **Quá trình phát triển**

Với tiền thân Nhà máy nước Vinh công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm, mỗi năm chỉ cấp được 0,4 triệu m<sup>3</sup> nước cung cấp cho các khu dân cư và công sở. Qua các thời kỳ, với sự hỗ trợ của các nước XHCN, nhà máy đã dần dần được mở rộng và nâng công suất. Đến nay, Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An đã đảm bảo cung cấp nước sạch để phục vụ nhân dân với phạm vi không chỉ cho thành phố Vinh mà còn cho các thị trấn, các huyện và các vùng phụ cận thành phố, đáp ứng thoả mãn nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất công nghiệp của phần lớn đô thị Tỉnh nhà.

Thông qua nguồn vốn vay ADB, ODA và vốn doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đã đầu tư nâng cấp 2 nhà máy nước hiện đại, có công suất lớn. Nhà máy nước Hưng Vĩnh (sản xuất nước sạch trên dây chuyền, thiết bị hiện đại của châu Âu) được khai thác và vận hành tối đa công suất 60.000 m<sup>3</sup>/ngày, sản xuất và cấp nước 24/24h phục vụ nhân dân trên địa bàn Thành phố Vinh. Nhà máy nước phụ cận Vinh công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ngày hỗ trợ tích cực trong cung cấp nước sạch cho địa bàn Thành phố Vinh và vùng lân cận. Là doanh nghiệp luôn mạnh dạn, tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, nhờ đó hỗ trợ rất thiết thực, hiệu quả trong hoạt động của công ty, điển hình là đổi mới công tác quản lý, vận hành hệ thống quản lý Scanda bằng công nghệ cao với thiết bị máy tính hiện đại, giúp doanh nghiệp giám sát được áp lực nước trên toàn bộ mạng đường ống cấp nước, qua đó chủ động điều tiết, cung cấp kịp thời cho khách hàng trên địa bàn.

M.S.N  
★

## Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Công ty thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 07/9/2018 tăng số vốn điều lệ 295.622.070.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn) lên thành 373.859.830.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai)	3600 (Chính)
2	Hoạt động tư vấn thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình cấp thoát nước)	7410
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và công nghệ nhà máy sản xuất nước	4322
4	Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án công trình cấp thoát nước)	7020
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước)	7110
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật)	4290
7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu chuyên ngành cấp thoát nước	2599
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước	4663

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Vinh và thị trấn, các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **- Mô hình quản trị**

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng quản trị

+ Ban kiểm soát

+ Ban Tổng Giám đốc

- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Hội đồng quản trị: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 phó chủ tịch HĐQT và 01 thành viên HĐQT

+ Ban kiểm soát: 01 Trưởng BKS và 02 thành viên BKS

+ Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc

+ 05 Phòng trực thuộc

- Phòng Tổ chức - Hành chính

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế hoạch

- Phòng Kỹ thuật

- Phòng Kế toán

+ 03 Xí Nghiệp

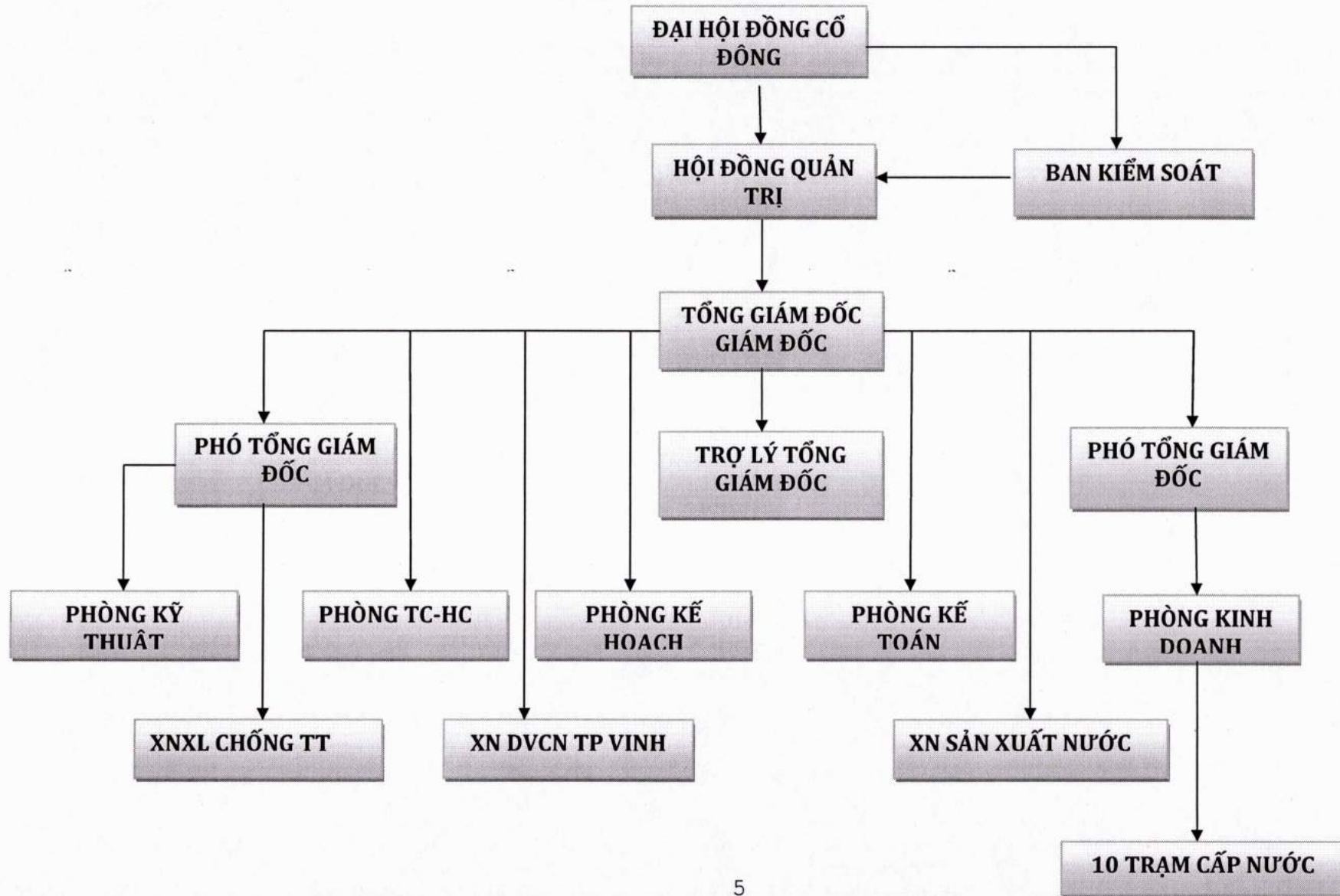
- Xí nghiệp DVCN Thành phố Vinh

- Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước

- Xí nghiệp sản xuất nước Thành phố Vinh (bao gồm: Nhà máy nước Hưng Vĩnh; Nhà máy nước Hưng Nguyên, Nhà máy nước cầu Bạch)

- 10 trạm cấp nước trực thuộc

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**



#### **4. Định hướng phát triển**

##### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2020**

1. Sản lượng nước tiêu thụ :26.216.170 m<sup>3</sup>
2. Doanh thu : 262.751.826.000 đồng. Trong đó:
  - + *Doanh thu nước sạch: 259.251.826.000 đồng.*
  - + *Doanh thu khác: 3.500.000.000 đồng*
3. Chống thất thoát: Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng 12 khu vực phục vụ (DMA), với tỷ lệ thất thoát ở mỗi DMA là dưới 24%;
4. Lắp đặt mới mạng đường: ống cấp 1, cấp 2 : 6.090 m.
5. Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh, Hưng Nguyên và Nam Đàn.
6. Cải tạo, xây dựng trụ sở làm việc và nhà máy nước Hưng Vĩnh.
7. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch từ sông Lam (*vị trí trạm bơm tại xã Xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn*);
8. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho trạm cấp nước Hưng Nguyên và nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (*vị trí trạm bơm tại xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên*).
9. Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho trạm cấp nước Nam Đàn; từ Sông Con cho trạm cấp nước Tân Kỳ.
10. Hoàn thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
11. Hoàn thành và đưa vào sử dụng phòng hóa nghiệm đạt tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007 (*lắp đặt tại nhà máy nước Hưng Vĩnh*);
12. Hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống cảnh báo và tự động điều khiển theo yêu cầu công nghệ trong sản xuất nước sạch ở nhà máy nước Hưng Vĩnh, Cầu Bạch và Hưng Nguyên.
13. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các phần mềm: Phần mềm quản lý ghi, thu và khách hàng; phần mềm tổng đài tiếp nhận và xử lý thông tin; phần mềm lắp đặt mới và xử lý sự cố.
14. Hoàn thành và đưa vào sử dụng 12 Datalogger ở 12 DMA để phân tích khối lượng nước sử dụng và đưa ra cảnh báo khả năng xảy ra điểm chảy.
15. Hoàn thành hồ sơ dự án thay đổi nguồn nước và công nghệ ở trạm cấp nước huyện Anh Sơn.

##### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

+ Triển khai thực hiện các giải pháp nước không doanh thu như: Kiểm soát lượng và áp lực nước đầu vào tại các đồng hồ tổng; Tuần tra, dò tìm và sửa chữa, khắc phục rò rỉ đường ống; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng thi công xây lắp, đảm bảo thực hiện đúng quy trình kỹ thuật; Tăng cường công tác quản lý khách hàng; kiểm tra, đọc đồng hồ, phân tích đối với những khách hàng sử dụng nước từ 0-3 m<sup>3</sup>; kịp thời ngăn chặn hành vi sử dụng nước bất hợp pháp và kiểm tra hoạt động ghi thu sản phẩm, chất lượng đồng

hồ; Tổ chức thu tiền, biên đọc chỉ số nước; Thực hiện tốt công tác đọc đồng hồ ít nhất 2 kỳ/tháng để kịp thời xử lý các tình huống sử dụng đột biến; thay thế kịp thời các đồng hồ nước bị hư hỏng;

+ Thực hiện công tác nâng cấp, cải tạo mạng đường ống cũ nát và cắt bịt triệt để nguồn sau khi đã cải tạo để quản lý và chống thất thoát thất thu trên mạng lưới tuyến ống;

+ Cải tạo nâng công suất nhà máy nước và mạng đường ống truyền phù hợp để đáp ứng đủ nhu cầu nước sạch VSIP và các vùng lân cận.

+ Theo dõi chặt chẽ tình hình sử dụng nước của khách hàng để kịp thời điều chỉnh lượng nước tiêu thụ hàng tháng, áp dụng đúng biểu giá nước nhằm nâng cao hiệu quả doanh thu;

+ Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng : “Hướng về khách hàng sử dụng nước, phát triển để phục vụ tốt hơn” nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước bao gồm với mục tiêu vận hành an toàn hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định, cấp nước an toàn, chất lượng, đủ áp lực; Đồng thời giải quyết nhanh các yêu cầu của khách hàng liên quan đến đồng hồ nước, hợp đồng, biểu giá, định mức, đọc số đồng hồ, thu tiền,... Tích cực tuyên truyền cho khách hàng ý thức sử dụng nước sạch và tham gia vào các công trình phúc lợi xã hội của ngành nước.

+ Tiếp cận, khai thác nhu cầu sử dụng nước của khách hàng tiềm năng (có nhu cầu sử dụng nước lớn và lâu dài) để kịp thời có biện pháp phục vụ; Kịp thời tư vấn, hỗ trợ đổi cỡ và gắn mới đồng hồ nước khi khách hàng có yêu cầu thay đổi quy mô sử dụng nước nhằm tăng sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu;

+ Áp dụng ghi chỉ số đồng hồ đo nước và thu tiền bằng thiết bị cầm tay; phát hành hóa đơn điện tử và thực hiện thu tiền nước qua tài khoản ngân hàng và các dịch vụ thu tiền khác,...

+ Củng cố đội ngũ cán bộ quản lý tại các bộ phận; Sắp xếp luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động giữa các phòng, đơn vị trực thuộc; Khoán quỹ lương cho cán bộ công nhân viên, đơn vị, bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả công tác, nâng cao năng suất lao động.

**4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.**

+ Chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng; đáp ứng nhu cầu nước sạch, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho phép, góp phần đảm bảo sức khỏe người dân.

+ Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

## **5. Các rủi ro:**

- Chịu ảnh hưởng của thời tiết; Mưa bão nhiều làm cho chất lượng nước thô kém; nguồn điện cung cấp cho sản xuất không liên tục dẫn đến ảnh hưởng đến sản xuất; làm tăng chi phí sản xuất nước.



- Hệ thống ống cấp nước của Công ty phần lớn đầu tư đã lâu năm nay đã xuống cấp hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; việc đầu tư nâng cấp đòi hỏi chi phí lớn.

- Giá nước thô mua với giá cao; giá nước sạch bán theo quy định không điều chỉnh được, trong khi đó giá các loại vật tư và dịch vụ thay đổi tăng theo giá thị trường làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận.

- Địa bàn quản lý rộng, số lượng khách hàng phân tán trải rộng khắp trên toàn tỉnh, các trạm cấp nước cách quá xa Công ty; Ý thức về quản lý bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế.

- Các đơn vị tham gia thi công các công trình hạ tầng ngầm thiếu điều tra thăm định ban đầu đã gây hư hỏng mạng đường ống cấp nước, gây thất thoát nước.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ TH 2019/2018 (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.990.980.366	209.159.704.388	121,43%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	13.788.904		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.977.191.462	209.159.704.388	121,43%
4. Giá vốn hàng bán	192.181.893.551	158.530.923.534	121,23%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.795.297.911	50.628.780.854	122,06%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.477.175.403	2.310.379.182	193,79%
7. Chi phí tài chính	14.114.983.870	15.236.445.781	92,64%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	14.114.893.495	15.236.445.781	92,64%
8. Chi phí bán hàng	15.282.235.543	18.081.080.495	84,52%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.615.215.973	19.933.567.250	183,69%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	260.037.928	(311.933.490)	-83,36%
11. Thu nhập khác	558.333.432	474.022.799	117,79%
12. Chi phí khác	12.358.268	126.643.542	9,76%
13. Lợi nhuận khác	545.975.164	347.379.257	157,17%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	806.013.092	35.445.767	2273,93%

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.301.593	8.185.757	455,69%
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	768.711.499	27.260.010	2819,92%

## 2 Danh sách Ban điều hành

### a, Ông Nguyễn Bá Quý - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	: Nguyễn Bá Quý
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 2/3/1960
Nơi sinh	: Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối 3 - Thị trấn huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An
CMND	: 187253456 Ngày cấp 12/7/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	: Đại học kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (Cơ khí chế tạo máy)
Chức vụ hiện nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sông Con
Quá trình công tác	- Từ 1/11/1982 đến 31/3/1993: Kỹ sư tại Xí nghiệp vận tải 500 xe - Công ty Thủy điện Hòa Bình - Từ 1/4/1993 đến 30/09/2001: Trưởng phòng Kỹ thuật tại Xí Nghiệp Đường Rượu Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An - Từ 01/10/2001 đến 31/05/2004: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An - Từ 01/06/2004 đến 30/09/2006: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An - Từ 01/10/2006 đến 04/01/2017: Chủ tịch HĐQT kiêm phó Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con - Từ 05/01/2017 – 31/12/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần
Trong đó	

- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phần

**b, Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc Công ty – Thành viên HĐQT**

Họ và tên	: <b>Hoàng Văn Hải</b>
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 02/01/1961
Nơi sinh	: Bắc Sơn – Đô Lương – Nghệ An
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối 10, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An
CMND	: 186527152 Ngày cấp: 26/02/2006 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	: Đại học ( Kỹ sư chế tạo máy)
Chức vụ hiện nay	: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1/1986 đến 8/1997: Cán bộ kỹ thuật, Xí nghiệp liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh</li> <li>- Từ 8/1998 đến 2/1999: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp xây lắp - Công ty Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 3/1999 đến 9/2001: Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 10/2001 đến 12/2002: Trạm trưởng nhà máy nước Con Cuông - Công ty Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 01/2003 đến 10/2004: Trạm trưởng trạm cấp nước Đô Lương – Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 11/2004 đến 12/2005: Phó giám đốc Xí nghiệp cấp nước miền núi – Công ty Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 01/2006 đến 07/2006: Phó giám đốc Xí nghiệp cấp nước miền núi – Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An</li> </ul>



	<p>- Từ 08/2006 đến 02/2012: Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi – Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An</p> <p>- Từ 03/2012 đến 04/01/2017: Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi – Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An</p> <p>- Từ 05/1/2017 đến Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	14.227.836 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	5.800 cổ phần
- Sở hữu đại diện phần vốn UBND tỉnh Nghệ An tại Công ty	14.227.836 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: UBND tỉnh Nghệ An (Ông Hoàng Văn Hải là đại diện sở hữu vốn của UBND tỉnh Nghệ An tại Công ty) sở hữu 14.227.836 cổ phần

**c, Ông Lê Đình Hoan – Trợ lý Tổng giám đốc Thành viên HĐQT kiêm trưởng phòng Kế hoạch**

Họ và tên	: Lê Đình Hoan
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 4/8/1976
Nơi sinh	: Hương Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Phường Lê Mao - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
CMND	: 182069992 Ngày cấp: 11/11/2002 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Điện thoại liên hệ	: 0912.043.606
Trình độ chuyên môn	: Cao đẳng kế toán
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con
Quá trình công tác	- Từ 1/7/1997 đến 30/09/2001: Nhân viên Kế Hoạch Công ty cổ



	<p>phần Mía đường Sông Con</p> <p>- Từ 01/10/2001 đến 30/10/2006: Phó phòng Kế hoạch tại Công ty cổ phần Mía đường Sông Con</p> <p>- Từ 01/11/2006 đến 28/02/2010: Phó chủ tịch HĐQT, phó Giám đốc Công ty cổ phần mía đường Sông Con</p> <p>- Từ 01/03/2010 đến 04/01/2017: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con</p> <p>- Từ 05/01/2017 - 10/11/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ 11/11/2018 đến 31/12/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 0 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 10.341.940 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Công ty cổ phần Mía đường Sông Con (Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con) sở hữu 10.341.940 cổ phần

**D, Ông Nguyễn Văn Hà - Phó Tổng Giám đốc Công ty**

Họ và tên	: Nguyễn Văn Hà
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 26/2/1978
Nơi sinh	: Trảng Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Lô 25 - Khu đô thị ST Vinh Tân - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
CMND	: 182167645 Ngày cấp :02/12/2011 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng / Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước - Đại học Xây dựng
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 01/01/2003 đến 30/6/2006: Kỹ sư khảo sát thiết kế, giám sát kỹ thuật công trình cấp thoát nước và môi trường Chi nhánh công ty Nước và môi trường Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng / Làm việc cho dự án World bank tại Đà Nẵng</li> <li>- Từ 01/7/2006 -1/9/2013: Ban Quản lý dự án Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An.</li> <li>- Từ 01/09/2013 đến 31/03/2016: Phó Giám đốc ban quản lý Dự án cải tạo mạng giám thất thoát nước Thành phố Vinh.</li> <li>- Từ 01/04/2016 - 04/01/2017: Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật- Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An.</li> <li>- Từ 05/01/2016 - 31/01/2017: Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật- Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 01/02/2017 đến 28/2/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</li> <li>- Từ 01/03/2017 đến 22/11/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</li> <li>- Từ 23/11/2018 đến 31/12/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 5.900 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 5.900 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có

**đ. Ông Nguyễn Xuân Long - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp sản xuất nước**

Họ và tên	: Nguyễn Xuân Long
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 28/06/1969



Nơi sinh	: Xã Nam Cát - Huyện Nam Đàn - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối 14 - Phường Trường Thi - Thành Phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
CMND	: 181775151 Ngày cấp :28/5/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Giám đốc xí nghiệp sản xuất nước - CTCP Cấp nước Nghệ An
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 1989 - 1991: Hợp tác Xuất khẩu lao động tại Bungari</li> <li>- Từ năm 1991 - 1993: được cử đi học tại trường Công nhân kỹ thuật Việt Đức.</li> <li>- Từ năm 1993 -1999: công tác tại Nhà máy nước Vinh</li> <li>- Từ năm 1999 - 2002: cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp xây lắp nước</li> <li>- Từ năm 2002 đến 12/2005: Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 01/2006 đến 04/2010: Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 5/2010 đến 6/2013: Phó Giám đốc Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 1/7/2013 đến 04/01/2017: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 05/01/2017 đến 31/01/2017: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An</li> <li>- Từ 01/02/2017 đến 28/2/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</li> <li>- Từ 01/03/2017 đến 22/11/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty Kiểm Giám đốc xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</li> <li>- Từ 23/11/2018 đến 31/12/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty Kiểm Giám đốc xí nghiệp sản xuất nước Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 5.100 cổ phần
Trong đó	

- Sở hữu cá nhân	: 5.100 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có

**e, Bà Trần Thị Lan Anh - Kế toán trưởng Công ty**

Họ và tên	: <b>Trần Thị Lan Anh</b>
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 15/11/1986
Nơi sinh	: Xã Đà sơn Huyện Đô Lương, Nghệ An
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối 7, Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô lương, Nghệ An
CMND	: 186381454 cấp: 14/01/2004 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	: Đại học (Cử nhân kinh tế)
Chức vụ hiện nay	: Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con
Quá trình công tác	- Từ năm 2009 đến 29/12/2016 Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con. - từ 30/12/2016 đến 30/5/2018 Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con, thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An -từ 01/6/2018 đến 21/4/2019 Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con. - 22/4/2019 đến nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An, phó Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 0 cổ phần



<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CTCN.TC ngày 23/04/2019 về việc miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán Công ty Bà Đặng Thị Vân Nam.

- Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CTCN.TC ngày 23/04/2019 về việc bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán Công ty Bà Trần Thị Lan Anh.

### \* Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên thành viên
1	Ông Nguyễn Bá Quý
2	Ông Hoàng Văn Hải
3	Ông Lê Đình Hoan

### \*Thành viên Ban kiểm soát

STT	Tên thành viên
1	Bà Võ Thị Thìn
2	Bà Lê Thị kim Oanh
3	Bà Nguyễn Thị Ngân

## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Tổng số cán bộ công nhân viên: 493 người (tính đến thời điểm 31/12 /2019)

+ Thu nhập bình quân: 7.740.000 đồng người/tháng

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, BHXH, BHYT, BHTN, phối hợp với liên đoàn lao động tỉnh Nghệ An tổ chức “tết sum vầy” cho người lao động.

- Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy chế trả lương trả thưởng của Công ty dựa trên mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.

- Thực hiện BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách Nhà nước.

124  
Y C  
Ư  
AN  
IGHF

- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.

- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và kết quả kinh doanh thực tế của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp nhằm khích lệ người lao động, đồng thời đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên.

### 3. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ 2019 so với 2018 (%)
Tổng giá trị tài sản	767.066.760.570	769.813.680.982	100,36%
Doanh thu	209.159.704.388	253.990.980.366	121,43%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(311.933.490)	260.037.920	-83,36%
Lợi nhuận khác	347.379.257	545.975.164	157,17%
Lợi nhuận trước thuế	35.445.767	806.013.092	2273,93%
Lợi nhuận sau thuế	27.260.010	768.711.499	2819,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,12	1,39	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,97	1,19	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,513	0,514	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,055	1,058	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	13,36	9,82	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,99	7,28	

*Handwritten signature*

Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,27	0,33	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,00013	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,00007	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,00004	0,001	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,001	0,001	

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần lưu hành : 37.385.983 cổ phần ( Mệnh giá 10.000 đồng/CP)

##### b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
<b>Số lượng cổ đông (chốt ngày 09/03/2020)</b>	<b>676</b>	<b>37,385,983</b>	100
Trong đó			
Cổ đông cá nhân	673	12,786,207	34.20
Cổ đông tổ chức	3	24,599,776	65.80
<i>Công ty CP mía đường sông con</i>		10,341,940	
<i>Tổ chức Công đoàn tại Công ty</i>		30,000	
<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An</i>		14,227,836	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm tài chính vừa qua được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh và các ban ngành cấp tỉnh đã hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình sản xuất

kinh doanh; với sự đoàn kết cao trong Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc; các cán bộ chủ chốt và tập thể người lao động của Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn tổ chức sản xuất kinh doanh đạt được kết quả tốt trong điều kiện không thuận lợi về thời tiết, thị trường, công ty mới chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần có nhiều mới mẻ; Đảm bảo thu nhập và đời sống ổn định cho người lao động, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Năm 2019, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An có nhiều thay đổi. Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp quản trị, tái cơ cấu lại doanh nghiệp, thiết bị sản xuất nước sạch đã được đầu tư nâng công suất và đầu tư chiều sâu để tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm; các nhà máy nước hoạt động ổn định; chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; Khách hàng có nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn các khu đô thị có xu hướng gia tăng.

Công ty vẫn tiếp tục xây dựng, ban hành và áp dụng nhiều quy định, quy chế quản lý nội bộ, quy chế tài chính đã giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý; các hoạt động hợp tác trao đổi kỹ thuật đầu tư ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin đã được triển khai ngày càng có chất lượng.

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước; việc chăm lo chế độ, chính sách cho người lao động được đảm bảo và nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện đáng kể.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tổng dư nợ vay

TT	Chỉ tiêu	31/12/19
<b>1</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>26.585.267.556</b>
	- Dự án phụ cận TP Vinh	17.033.174.552
	- Dự án cấp nước và vệ sinh Tp Vinh	9.552.093.004
<b>2</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>259.206.730.622</b>
	- Dự án phụ cận TP Vinh	195.881.507.364
	- Dự án cấp nước và vệ sinh Tp Vinh	61.939.202.011
	-Dự án cải tạo mạng GTT	1.386.021.247

### 2.2 Tình hình công nợ hiện nay

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>36.439.013.133</b>

1	Phải thu khách hàng	37.184.679.363
2	Trả trước cho người bán	9.648.402.094
3	Phải thu ngắn hạn khác	4.175.486.740
4	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.569.555.064)
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>200.000.000</b>
<b>Tổng (I+II)</b>		<b>36.639.013.133</b>

### 2.3 Các khoản phải trả

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>136.570.653.976</b>
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	70.499.046.630
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.319.841.080
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.423.473.384
4	Phải trả người lao động	8.472.709.977
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	12.399.909.093
6	Phải trả ngắn hạn khác	6.494.012.484
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26.585.267.556
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	376.393.772
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>259.206.730.622</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	259.206.730.622
<b>Tổng nợ phải trả (I+II)</b>		<b>395.777.384.598</b>

### 2.4 Tình hình tài sản

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.081.142.315.897</b>	<b>560.420.512.141</b>	<b>51,84%</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	506.545.777.543	323.343.219.911	63,83%
Máy móc thiết bị	109.206.351.929	13.549.658.992	12,41%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	460.577.542.341	221.645.680.435	48,12%
TSCĐ dùng trong quản lý	572.975.000	213.949.887	37,34%
TSCĐ khác	4.239.669.084	1.668.002.916	39,34%
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>6.209.410.000</b>	<b>5.985.369.578</b>	<b>96,39%</b>

Phần mềm máy vi tính	518.800.000	294.759.578	56,82%
Quyền SD đất	5.690.610.000	5.690.610.000	100,00%

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Triển khai thực hiện các giải pháp nước không doanh thu như: Kiểm soát lượng và áp lực nước đầu vào tại các đồng hồ tổng; Tuân tra, dò tìm và sửa chữa, khắc phục rò rỉ đường ống; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng thi công xây lắp, đảm bảo thực hiện đúng quy trình kỹ thuật; Tăng cường công tác quản lý khách hàng; kiểm tra, đọc đồng hồ, phân tích đối với những khách hàng sử dụng nước từ 0-3 m<sup>3</sup>; kịp thời ngăn chặn hành vi sử dụng nước bất hợp pháp và kiểm tra hoạt động ghi thu sản phẩm, chất lượng đồng hồ; Tổ chức thu tiền, biên đọc chỉ số nước; Thực hiện tốt công tác đọc đồng hồ ít nhất 2 kỳ/tháng để kịp thời xử lý các tình huống sử dụng đột biến; thay thế kịp thời các đồng hồ nước bị hư hỏng;

+ Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng : “Hướng về khách hàng sử dụng nước, phát triển để phục vụ tốt hơn” nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước bao gồm với mục tiêu vận hành an toàn hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định, cấp nước an toàn, chất lượng, đủ áp lực; Đồng thời giải quyết nhanh các yêu cầu của khách hàng liên quan đến đồng hồ nước, hợp đồng, biểu giá, định mức, đọc số đồng hồ, thu tiền,... Tích cực tuyên truyền cho khách hàng ý thức sử dụng nước sạch và tham gia vào các công trình phúc lợi xã hội của ngành nước.

+ Áp dụng ghi chỉ số đồng hồ đo nước và thu tiền bằng thiết bị cầm tay; phát hành hóa đơn điện tử và thực hiện thu tiền nước qua tài khoản ngân hàng và các dịch vụ thu tiền khác,...

+ Hoàn thiện quy định về quản lý lao động và quản lý tài chính để thuận tiện trong công việc hàng ngày.

+ Củng cố đội ngũ cán bộ quản lý tại các bộ phận; Sắp xếp luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động giữa các phòng, đơn vị trực thuộc; Khoán quỹ lương cho cán bộ công nhân viên, đơn vị, bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả công tác, nâng cao năng suất lao động.

### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau.

1. Sản lượng nước tiêu thụ :26.216.170 m<sup>3</sup>

2. Doanh thu : 262.751.826.000 đồng. Trong đó:

+ Doanh thu nước sạch: 259.251.826.000 đồng.

+ Doanh thu khác: 3.500.000.000 đồng

3. Chống thất thoát: Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng 12 khu vực phục vụ (DMA), với tỷ lệ thất thoát ở mỗi DMA là dưới 24%;

4. Lắp đặt mới mạng đường ống cấp 1, cấp 2 : 6.090 m.

5. Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh, Hưng Nguyên và Nam Đàn.

6. Cải tạo, xây dựng trụ sở làm việc và nhà máy nước Hưng Vĩnh.

7. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch

từ sông Lam (vị trí trạm bơm tại xã Xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn);

8. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho trạm cấp nước Hưng Nguyên và nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (vị trí trạm bơm tại xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên).

9. Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho trạm cấp nước Nam Đàn; từ Sông Con cho trạm cấp nước Tân Kỳ.

10. Hoàn thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

11. Hoàn thành và đưa vào sử dụng phòng hóa nghiệm đạt tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007 (lắp đặt tại nhà máy nước Hưng Vĩnh);

12. Hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống cảnh báo và tự động điều khiển theo yêu cầu công nghệ trong sản xuất nước sạch ở nhà máy nước Hưng Vĩnh, Cầu Bạch và Hưng Nguyên.

13. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các phần mềm: Phần mềm quản lý ghi, thu và khách hàng; phần mềm tổng đài tiếp nhận và xử lý thông tin; phần mềm lắp đặt mới và xử lý sự cố.

14. Hoàn thành và đưa vào sử dụng 12 Datalogger ở 12 DMA để phân tích khối lượng nước sử dụng và đưa ra cảnh báo khả năng xảy ra điểm chảy.

15. Hoàn thành hồ sơ dự án thay đổi nguồn nước và công nghệ ở trạm cấp nước huyện Anh Sơn.

#### **IV.ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Công ty có nhiều biện pháp tích cực trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và có kế hoạch cụ thể trong từng giai đoạn.

Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty;

Việc công bố thông tin luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Công ty đã ý thức việc đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước của khách hàng; duy trì tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn Công ty quản lý.

##### **2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Bộ máy điều hành quản lý công ty thuộc thẩm quyền HĐQT ra quyết định gồm 21 người. Trong đó: ban Tổng Giám đốc 4 người; Trưởng phòng và Trưởng các đơn vị 16 người (Phòng Kế hoạch do Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm . Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, cơ bản đã bám vào nội dung của Luật doanh nghiệp, điều lệ, quy chế Công ty và Nghị quyết của

HDQT để thực hiện.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao; chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành; đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HDQT sẽ tập trung vào những kế hoạch, định hướng như sau:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Triển khai thực hiện các giải pháp nước không doanh thu như: Kiểm soát lượng và áp lực nước đầu vào tại các đồng hồ tổng; Tuần tra, dò tìm và sửa chữa, khắc phục rò rỉ đường ống; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng thi công xây lắp, đảm bảo thực hiện đúng quy trình kỹ thuật; Tăng cường công tác quản lý khách hàng; kiểm tra, đọc đồng hồ, phân tích đối với những khách hàng sử dụng nước từ 0-3 m<sup>3</sup>; kịp thời ngăn chặn hành vi sử dụng nước bất hợp pháp và kiểm tra hoạt động ghi thu sản phẩm, chất lượng đồng hồ; Tổ chức thu tiền, biên đọc chỉ số nước; Thực hiện tốt công tác đọc đồng hồ ít nhất 2 kỳ/tháng để kịp thời xử lý các tình huống sử dụng đột biến; thay thế kịp thời các đồng hồ nước bị hư hỏng;

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng : “Hướng về khách hàng sử dụng nước, phát triển để phục vụ tốt hơn” nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước bao gồm với mục tiêu vận hành an toàn hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định, cấp nước an toàn, chất lượng, đủ áp lực; Đồng thời giải quyết nhanh các yêu cầu của khách hàng liên quan đến đồng hồ nước, hợp đồng, biểu giá, định mức, đọc số đồng hồ, thu tiền,... Tích cực tuyên truyền cho khách hàng ý thức sử dụng nước sạch và tham gia vào các công trình phúc lợi xã hội của ngành nước.

- Áp dụng ghi chỉ số đồng hồ đo nước và thu tiền bằng thiết bị cầm tay; phát hành hóa đơn điện tử và thực hiện thu tiền nước qua tài khoản ngân hàng và các dịch vụ thu tiền khác,...

- Nâng cao năng lực quản trị Công ty trên cơ sở vận dụng các quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đầu tư phát triển nguồn nhân lực; củng cố và phát triển hoạt động tài chính, đảm bảo an toàn, hiệu quả tạo ra các giá trị bền vững cho công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần trực tiếp sở hữu	Cổ phần đại diện sở hữu
-----	-----------	-----------	--------------------------	-------------------------



		<b>HĐQT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ % vốn điều lệ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ % vốn điều lệ</b>
1	Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	-	-	0 cổ phần	
2	Ông Hoàng Văn Hải	Phó Chủ tịch	5.800	0.015	14.227.836 cổ phần (Sở hữu đại diện phần vốn UBND tỉnh Nghệ An tại Công ty)	38,05
3	Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	-	-	10.341.940 Công ty cổ phần Mía đường Sông Con (Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con)	

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hàng tháng, HĐQT tổ chức họp thường kỳ để nghe và phê duyệt nội dung Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong tháng qua và thông qua KHSX kinh doanh trong tháng tới; khi có yêu cầu về công việc thuộc thẩm quyền quyết định, HĐQT họp đột xuất để giải quyết kịp thời.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức họp 12 cuộc họp định kỳ và 11 cuộc họp đột xuất. Các cuộc họp được triệu tập đúng với quy định của Điều lệ, có sự tham gia dự họp của Ban kiểm soát đầy đủ.

Các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp HĐQT đầy đủ, tham gia nhiều ý kiến chất lượng.

Trong năm 2019, HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các nội dung chính sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018-NQ-HĐQT	12/01/2019	- Phê duyệt nội dung Phương án chi tiền lương tháng 12/2018, tiền lương tháng 13/2018; Các chi phí trong dịp tết nguyên đán 2019. - Phê duyệt Kế hoạch tổ chức họp ĐHCĐ

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2019.</li> <li>- Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019.</li> </ul>
2	02/2019-NQ-HĐQT	15/01/2019	Thống nhất chi bổ sung tiền lương tháng 13/2018 cho các chức danh quản lý Công ty.
3	03/2019-NQ-HĐQT	20/02/2019	- Phê duyệt nội dung các báo cáo và các nội dung cần thiết chuẩn bị cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
4	04/2019-NQ-HĐQT	28/02/2019	Phê duyệt Phương án đi du lịch tâm linh đầu năm 2019 của Tổng Giám đốc.
5	05/2019-NQ-HĐQT	05/03/2019	Thống nhất đề nghị UBND tỉnh cử người đại diện phần vốn Nhà Nước để bầu làm thành viên HĐQT và BKS; Giới thiệu người để bầu vào HĐQT và BKS tại cuộc họp thường niên 2019.
6	06/2019-NQ-HĐQT	07/03/2019	Bầu Chủ tịch HĐQT và Phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2018 sau khi bầu lại thành viên HHĐQT tại cuộc họp thường niên 2019.
7	07/2019-NQ-HĐQT	07/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt nội dung các tờ trình của Tổng giám đốc về Phương án dự phòng cấp nước ổn định cho Thành phố Vinh và vùng phụ cận; Giải pháp giảm thất thoát nước bằng cách phân vùng, tách mạng, thành lập các vùng phục vụ DMA và phương án lắp thêm máy bơm cấp 1 ở trạm Cầu Mượu.</li> <li>- Cử bà Võ Thị Thìn làm Người phụ trách quản trị Công ty.</li> <li>- Quyết định dừng sản xuất nước tinh lọc cung cấp ra thị trường, giao phòng Tổ chức-Hành chính quản lý và tổ chức sản xuất để phục vụ nhu cầu của Công ty.</li> <li>- Phê duyệt Đề án sản xuất và cung cấp nước</li> </ul>

			sạch trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận của Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.
08	08A/2019-NQ-HĐQT	18/3/2019	Chọn nhà cung cấp thiết bị và giá cả hợp đồng
09	08B/2019-NQ-HĐQT	06/04/2019	- Xử lý tiền trợ cấp cho người lao động đã nghỉ việc nhưng chưa được giải quyết chế độ do còn vướng mắc công nợ cá nhân.
10	09/2019-NQ-HĐQT	23/04/2019	Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh quản lý Công ty; Phê duyệt bộ quy chế hoạt động của Công ty (bao gồm: Quy chế làm việc; Quy chế tài chính; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế quản trị nội bộ Công ty)
11	10/2019-NQ-HĐQT	25/5/2019	- Thông qua nội dung các tờ trình của Tổng giám đốc: + Phương án giải quyết một số vướng mắc trong quan hệ mua bán nước thô với Công ty TNHH MTV cấp nước Sông Lam. + Hỗ trợ một số khối trưởng, xóm trưởng nhằm mục đích để họ hỗ trợ Công ty trong quá trình cung cấp nước cho dân. + Phê duyệt chủ trương lập dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất cấp nước cho thành phố Vinh và vùng phụ cận. - Thống nhất chủ trương cử đoàn cán bộ quản lý và nhân viên kỹ thuật đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các công ty cấp nước có công nghệ và thiết bị phù hợp với dự án nâng công suất của Công ty.
12	11/2019-NQ-HĐQT	12/6/2019	- Miễn nhiệm chức danh Trạm trưởng Trạm cấp nước Tân Kỳ đối với ông Trần Sỹ Khoa. - Bổ nhiệm ông Trương Văn Hùng làm Trạm trưởng trạm cấp nước Tân Kỳ
13	12/2019-NQ-HĐQT	29/6/2019	- Miễn nhiệm chức danh Trạm trưởng Trạm cấp

			nước Quý Hợp đối với ông Nguyễn Phi Hùng. - Giao bà Lê Thị Thu quyền phụ trách, quản lý và điều hành Trạm cấp nước Quý Hợp.
14	13/2019-NQ-HĐQT	15/7/2019	- Chủ trương xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch, công suất 275.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm. - Nhất trí thưởng cho những người tham gia thi công tuyến ống DN500 dọc đường Phan Bội Châu với mức 50 triệu đồng nếu hoàn thành công trình trước 16/7/2019.
15	14/2019-NQ-HĐQT	17/7/2019	- Nhất trí thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định tính từ thời điểm 01/01/2019 để sớm thu hồi vốn. - Đồng ý trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi tính đến thời điểm 30/6/2019.
16	14B/2019-NQ-HĐQT	01/8/2019	- Quyết định chọn đơn vị tư vấn và giá trị để ký hợp đồng tư vấn lập hồ sơ dự án và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án cải tạo, nâng công suất, thay đổi công nghệ ở nhà máy nước Hưng Vĩnh.
17	15/2019-NQ-HĐQT	23/8/2019	- Đồng ý hỗ trợ cho người lao động của Công ty đi tham quan, tắm biển Cửa Lò năm 2019.
18	16/2019-NQ-HĐQT	31/8/2019	- Nhất trí chi thưởng ngày lễ Quốc khánh 2/9 cho người lao động đang làm việc trong Công ty là 200.000 đ/người.
19	16B/2019-NQ-HĐQT	03/9/2019	- Phê duyệt Dự án cải tạo, nâng công suất, thay đổi công nghệ ở nhà máy nước Hưng Vĩnh
20	17B/2019-NQ-HĐQT	01/10/2019	- Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện gói thầu sửa chữa, cải tạo và hoàn thiện hệ thống lắng
21	18/2019-NQ-HĐQT	15/10/2019	- Thay đổi giờ làm việc của bộ phận làm việc theo giờ hành chính.
22	19/2019-NQ-HĐQT	19/10/2019	- Đồng ý đề xuất phương án cải tạo, nâng cấp

			<p>nhà máy nước Nam Đàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng ý đề xuất phương án cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Hưng Vĩnh.</li> <li>- Đồng ý thông qua dự thảo phương án điều chỉnh kế hoạch tiền lương 6 tháng cuối năm 2019.</li> </ul>
23	20/2019-NQ-HĐQT	19/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhất trí chọn đơn vị thực hiện và giá trị hợp đồng để ký hợp đồng kinh tế thực hiện gói thầu "Sửa chữa, cải tạo và hoàn thiện hệ thống lắng".</li> <li>- Thống nhất quy định về nghiệm thu, quản lý và vận hành các DMA.</li> </ul>
24	21//2019-NQ-HĐQT	16/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt nội dung phương án tổ chức liên hoan mừng năm mới 2020 và kỷ niệm 62 năm thành lập Công ty.</li> </ul>

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019 đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đều được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

Việc công bố thông tin luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định, trên cơ sở đó đã tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và đề ra định hướng cho hoạt động Công ty năm 2020.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.**

- Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của HĐQT.

**e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có**

**e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần trực tiếp sở hữu	Cổ phần đại diện sở hữu	Ghi chú
-----	-----------	-----------	--------------------------	-------------------------	---------

			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	
1	Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	41.700	0,11	-	-	
2	Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	-	-	-	-	
3	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	-	-	-	-	

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An và thực hiện kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2019. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty trong năm 2019 theo các nội dung chủ yếu sau:

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tình hình thực hiện tuân thủ điều lệ Công ty, luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cận trọng trong việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác kế toán thống kê và báo cáo tài chính.

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019,

- Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Hàng tháng, Ban kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác nhằm tăng cường hoạt động giám sát mọi lĩnh vực hoạt động trong toàn Công ty.

- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- Cuộc họp ngày 28/01/2019 về việc tổng kết đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát, đánh giá công việc các thành viên thực hiện nhiệm vụ năm 2018, thông qua báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2018 trình đại hội đồng cổ đông thường niên đồng thời triển khai công việc quý I năm 2019;

- Cuộc họp ngày 07/3/2019 bầu chức danh trưởng ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ, triển khai kế hoạch hoạt động quý II/2019.

- Cuộc họp ngày 04/7/2019 Đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm của ban kiểm soát đồng thời triển khai kế hoạch làm quý III năm 2019;

- Cuộc họp ngày 02/10/2019 triển khai kế hoạch làm việc IV năm 2019.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp Ban kiểm soát thường xuyên liên lạc trao đổi thông tin và đưa ra các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2019.**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

CHỨC DANH	LƯƠNG CHUYÊN TRÁCH (đồng/tháng/người)	THÙ LAO KIÊM NHIỆM (đồng/tháng/người)
Chủ tịch HĐQT	10.000.000	
Phó Chủ tịch HĐQT		3000.000
Thành viên HĐQT		2.500.000
Trưởng Ban kiểm soát	13.417.000	
T.viên Ban kiểm soát		2.000.000

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** (Đính kèm)

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở giao dịch chứng khoán HN;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGD công ty;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Văn Hải**

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 – 6</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>7 – 35</b>
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>07 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019</i>	<i>14 – 35</i>

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324240 ngày 09 tháng 06 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 07 tháng 09 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 06: 373.859.830.000 VND.*

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 32 đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam  
Điện thoại : 038 3 844 208  
Fax : 038 8 668 118  
Email : nawasco@gmail.com  
Mã số thuế : 2 9 0 0 3 2 4 2 4 0

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 35.

**Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ Tịch
Ông Hoàng Văn Hải	Phó Chủ Tịch
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nghệ An, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Số : 0907.01.02/2019/NVT2-BCTC  
Ngày : 02 tháng 3 năm 2020

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Về Báo cáo tài chính năm 2019**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2020 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Ý kiến khác**

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY – Chi nhánh miền Trung với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Vấn đề lưu ý**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VII.7 về việc thay đổi ước tính kế toán đối với khấu hao tài sản cố định trong năm 2019 theo quyết định của Hội đồng quản trị. Do áp dụng khung khấu hao mới, chi phí khấu hao trong năm 2019 của Công ty tăng lên 18.478.355.252 VND so với cùng kỳ năm trước.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến của chúng tôi.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNT số: 1690-2018-124-1

**Kiểm toán viên**

**Vũ Thị Thiết**

GCNĐKHNT số: 3980-2017-124-1

**Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An**

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>189.372.745.910</b>	<b>120.910.537.176</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>124.892.518.528</b>	<b>66.468.355.337</b>
1. Tiền	111		11.050.289.134	21.824.567.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.842.229.394	44.643.788.210
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.439.013.133</b>	<b>38.579.484.039</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	37.184.679.363	34.823.756.296
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.648.402.094	1.614.615.569
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	4.175.486.740	3.067.921.070
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(14.569.555.064)	(926.808.896)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>26.387.476.003</b>	<b>15.862.697.800</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	26.387.476.003	15.862.697.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.653.738.246</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.591.989.562	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	61.748.684	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An**

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>580.440.935.072</b>	<b>646.156.223.394</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>200.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	200.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>566.405.881.719</b>	<b>621.781.931.782</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	560.420.512.141	615.708.056.520
<i>Nguyên giá</i>	222		1.081.142.315.897	1.075.842.572.990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(520.721.803.756)	(460.134.516.470)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.985.369.578	6.073.875.262
<i>Nguyên giá</i>	228		6.209.410.000	6.209.410.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(224.040.422)	(135.534.738)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.324.244.212</b>	<b>12.234.986.112</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	13.324.244.212	12.234.986.112
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>510.809.141</b>	<b>12.139.305.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	510.809.141	12.139.305.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>769.813.680.982</b>	<b>767.066.760.570</b>



## Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>395.777.384.598</b>	<b>393.799.175.685</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>136.570.653.976</b>	<b>108.007.177.507</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	70.499.046.630	53.211.330.734
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.319.841.080	1.438.255.383
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.423.473.384	9.662.179.102
4. Phải trả người lao động	314		8.472.709.977	6.806.101.909
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	12.399.909.093	4.070.159.572
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6.494.012.484	5.797.876.570
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	26.585.267.556	26.585.267.556
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	376.393.772	436.006.681
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>259.206.730.622</b>	<b>285.791.998.178</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	259.206.730.622	285.791.998.178
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An**

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>374.036.296.384</b>	<b>373.267.584.885</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>374.036.296.384</b>	<b>373.267.584.885</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.466.384	(592.245.115)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(592.245.115)	(619.505.125)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		768.711.499	27.260.010
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>769.813.680.982</b>	<b>767.066.760.570</b>

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

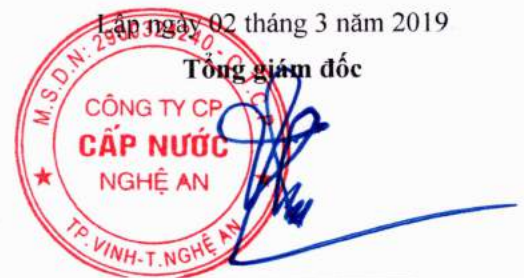
Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2019

Tổng giám đốc



Hoàng Văn Hải

**Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An**

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		253.990.980.366	209.159.704.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.788.904	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	253.977.191.462	209.159.704.388
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	192.181.893.551	158.530.923.534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.795.297.911	50.628.780.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.477.175.403	2.310.379.182
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.114.983.870	15.236.445.781
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.114.983.495	15.236.445.781
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.282.235.543	18.081.080.495
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	36.615.215.973	19.933.567.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		260.037.928	(311.933.490)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	558.333.432	474.022.799
12. Chi phí khác	32	VI.8	12.358.268	126.643.542
13. Lợi nhuận khác	40		545.975.164	347.379.257
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		806.013.092	35.445.767
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	37.301.593	8.185.757
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>768.711.499</u>	<u>27.260.010</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>20,56</u>	<u>0,73</u>

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

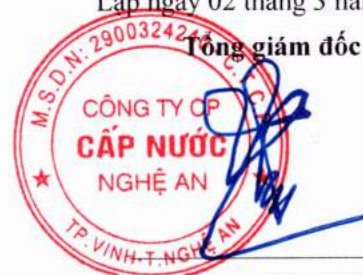


Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh



Hoàng Văn Hải

**Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An**

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		291.546.342.297	238.438.360.994
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(125.058.298.435)	(120.701.207.425)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.675.961.881)	(43.148.924.811)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(14.359.107.515)	(15.515.054.205)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(107.236.034)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.621.663.450	23.995.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.900.792.875)	(18.288.451.616)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>86.066.609.007</b>	<b>40.808.717.937</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.816.180.197)	(7.917.612.105)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.759.001.487	2.273.662.778
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.057.178.710)</b>	<b>(5.643.949.327)</b>

# Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.316.063.873
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.585.267.106)	(26.585.267.556)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.585.267.106)</b>	<b>(25.269.203.683)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>58.424.163.191</b>	<b>9.895.564.927</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>66.468.355.337</b>	<b>56.572.790.410</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>124.892.518.528</b>	<b>66.468.355.337</b>

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

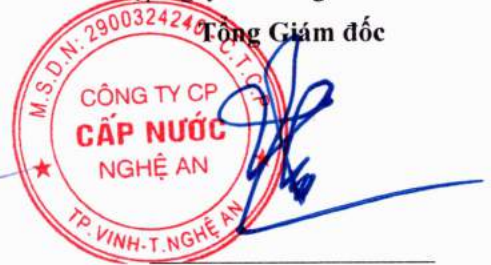
Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác, xử lý và cung cấp nước

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước ( Khai thác nước khô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế, thăm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình cấp thoát nước).
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường đất và trạm biến áp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và công nghệ nhà máy sản xuất nước;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu dự án công trình cấp thoát nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước đến cấp 3);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình xây dựng cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu trong chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy; trụ cứu hỏa);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước;

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Công ty có trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc như sau:*

<b>Tên đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 46, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp dịch vụ cấp nước Tp.Vinh	Số 46, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp sản xuất nước Tp.Vinh	Số 115, Nguyễn Sinh Sắc, Tp Vinh, Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, TT Nam Đàn, Huyện Nam Đàn, Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, Thị trấn Con Cuông, Huyện Con Cuông, Nghệ An

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, Xã Kỳ Tân, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, TT Thanh Chương, Huyện Thanh Chương, Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, Thị trấn Tân Lạc, Huyện Quỳnh Châu, Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, Thị trấn Quỳnh Hợp, Huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, Huyện Tương Dương, Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, Huyện Kỳ Sơn, Nghệ An

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo quy định tại Thông

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu, áp dụng cho năm tài chính 2019.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá xuất hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu, áp dụng cho năm tài chính 2019.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 14/BB-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2019 đã thông qua phương án thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định của Công ty để sớm thu hồi vốn, đồng thời đổi mới công nghệ, tạo nguồn vốn để thực hiện dự án cải tạo mạng giám thất thoát nước thành phố Vinh giai đoạn 01. Thời gian khấu hao của tài sản sau khi được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

<b>Tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Các tài sản khác	10 - 20



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ Vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài và Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Phần mềm máy tính	04 – 15

### 6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa, lắp đặt cải tạo đường ống dẫn nước*

Là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc cải tạo, sửa chữa đường ống dẫn nước cho các công trình nước phục vụ sản xuất nước sạch, được phân bổ vào chi phí với thời gian không quá 02 năm.

### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

#### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### **d) Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **17. Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

###### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

###### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

###### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	99.008.489	128.238.725
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.951.280.645	21.696.328.402
Các khoản tương đương tiền	113.842.229.394	44.643.788.210
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Vinh</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>19.124.767.123</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại NH ĐT&amp;PTVN - Chi nhánh Nghệ An</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại NH ĐT&amp;PTVN - Chi nhánh Phú Diễn</i>	<i>78.842.229.394</i>	<i>10.519.021.087</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>124.892.518.528</u></b>	<b><u>66.468.355.337</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQL dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	3.069.641.000
Khách hàng sử dụng nước sạch	22.999.629.859	20.715.470.792
Các khách hàng khác	11.115.408.504	11.038.644.504
<b>Cộng</b>	<b><u>37.184.679.363</u></b>	<b><u>34.823.756.296</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TK Cộng	5.577.000.000	-
CTTNHH TB&HC CN Trường Thi	914.743.830	-
Công ty CP XD&TM Đại Hùng	311.700.000	311.700.000
Các nhà cung cấp khác	2.844.958.264	1.302.915.569
<b>Cộng</b>	<b><u>9.648.402.094</u></b>	<b><u>1.614.615.569</u></b>

**4. Phải thu khác****a, Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Lãi tiền gửi dự thu	1.011.190.548	-	293.017.007	-
Tạm ứng	2.714.299.774	(553.795.112)	2.168.806.709	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	449.996.418	(317.132.368)	606.097.354	(258.948.668)
<b>Cộng</b>	<b><u>4.175.486.740</u></b>	<b><u>(870.927.480)</u></b>	<b><u>3.067.921.070</u></b>	<b><u>(258.948.668)</u></b>

**b, Dài hạn**

Là khoản phải thu bảo lãnh cố định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các khoản phải thu khách hàng</i>	-	<b>14.282.740.489</b>	<b>12.288.867.470</b>	-	<b>14.282.740.489</b>	<b>350.907.208</b>
BQL dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	Quá hạn trên 1 năm dưới 2 năm	3.069.641.000	1.534.820.500	Quá hạn từ 06 tháng tới 1 năm	3.069.641.000	-
Công trình Hồ Bá Hạ	Khó có khả năng thu hồi	2.197.138.000	2.197.138.000		2.197.138.000	-
UBND xã Nghi Kim- Nghi Lộc	Khó có khả năng thu hồi	1.554.035.000	1.554.035.000		1.554.035.000	-
UBND xã Thanh Tường	Khó có khả năng thu hồi	1.309.272.998	1.309.272.998		1.309.272.998	-
Ban QLDA chương trình 134 - huyện Con Cuông	Khó có khả năng thu hồi	1.004.529.000	1.004.529.000		1.004.529.000	-
Các đối tượng khác		5.146.983.791	4.689.071.972		365.408.945	350.907.208
<i>Các khoản trả trước cho người bán</i>	-	<b>1.443.521.064</b>	<b>1.409.760.114</b>	-	<b>1.499.921.064</b>	<b>316.953.020</b>
Công ty CP XD&TM Đại Hùng	Quá hạn trên 3 năm	311.700.000	311.700.000		311.700.000	-
Sở Tài chính Nghệ An	Quá hạn trên 3 năm	309.668.000	309.668.000		309.668.000	-
Ban QLDA cấp nước vùng phụ cận Thành phố Vinh	Quá hạn trên 3 năm	214.239.329	214.239.329		214.239.329	-
Công ty CP tư vấn quản lý quốc tế	Quá hạn trên 3 năm	200.000.000	200.000.000		200.000.000	-
Các đối tượng khác		407.913.735	374.152.785		464.313.735	316.953.020
<i>Các khoản phải thu khác</i>		<b>870.927.480</b>	<b>870.927.480</b>		<b>870.927.480</b>	<b>258.948.668</b>
Hồ Thị Liên	Khó có khả năng thu hồi	302.237.000	302.237.000		302.237.000	-
Hồ Thị Bích Hải	Khó có khả năng thu hồi	103.153.000	103.153.000		103.153.000	-
Ban quản lý DA Vinh	Khó có khả năng thu hồi	92.326.000	92.326.000	Khó có khả năng thu hồi	92.326.000	92.326.000
Các đối tượng khác	Khó có khả năng thu hồi	373.211.480	373.211.480	Khó có khả năng thu hồi	166.622.668	166.622.668
<b>Cộng</b>		<b><u>16.596.048.333</u></b>	<b><u>14.569.555.064</u></b>		<b><u>16.653.589.033</u></b>	<b><u>926.808.896</u></b>

hl

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.984.365.084		11.982.835.185	-
Công cụ, dụng cụ	2.113.416.245		338.570.827	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.289.694.674		3.541.291.788	-
<b>Cộng</b>	<b>26.387.476.003</b>	<b>-</b>	<b>15.862.697.800</b>	<b>-</b>

#### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	506.545.777.543	105.163.815.565	459.320.335.798	572.975.000	4.239.669.084	1.075.842.572.990
Mua trong năm	-	4.042.536.364	1.257.206.543	-	-	5.299.742.907
<b>Số cuối năm</b>	<b>506.545.777.543</b>	<b>109.206.351.929</b>	<b>460.577.542.341</b>	<b>572.975.000</b>	<b>4.239.669.084</b>	<b>1.081.142.315.897</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	20.853.497.588	725.000.000	-	-	21.578.497.588
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	159.777.619.445	82.710.265.465	215.155.517.378	258.621.543	2.232.492.639	460.134.516.470
Khấu hao trong năm	23.424.938.187	12.946.427.472	23.776.344.528	100.403.570	339.173.529	60.587.287.286
<b>Số cuối năm</b>	<b>183.202.557.632</b>	<b>95.656.692.937</b>	<b>238.931.861.906</b>	<b>359.025.113</b>	<b>2.571.666.168</b>	<b>520.721.803.756</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	346.768.158.098	22.453.550.100	244.164.818.420	314.353.457	2.007.176.445	615.708.056.520
<b>Số cuối năm</b>	<b>323.343.219.911</b>	<b>13.549.658.992</b>	<b>221.645.680.435</b>	<b>213.949.887</b>	<b>1.668.002.916</b>	<b>560.420.512.141</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất lâu dài</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.690.610.000	518.800.000	6.209.410.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.690.610.000</b>	<b>518.800.000</b>	<b>6.209.410.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm		135.534.738	135.534.738
Khấu hao trong năm		88.505.684	88.505.684
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>224.040.422</b>	<b>224.040.422</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.690.610.000	383.265.262	6.073.875.262
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.690.610.000</b>	<b>294.759.578</b>	<b>5.985.369.578</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>Số cuối năm</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	9.259.770.889	-	-	9.259.770.889
XDCB kê cầu mương và tuyến ống Hưng Chính	4.435.845.363	-	-	4.435.845.363
XDCB cấp nước sạch cho dân cư thành phố Vinh và Hưng Nguyên	272.727.273	-	-	272.727.273
XDCB Dự án chống thất thoát	4.551.198.253	-	-	4.551.198.253
Sửa chữa tài sản cố định	2.975.215.223	5.386.889.415	(4.297.631.315)	4.064.473.323
<b>Cộng</b>	<b>12.234.986.112</b>	<b>5.386.889.415</b>	<b>(4.297.631.315)</b>	<b>13.324.244.212</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	405.089.606	556.639.998
Chi phí sửa chữa tài sản cố định, lắp đặt cải tạo miễn phí	75.024.697	10.687.413.972
Các chi phí trả trước dài hạn khác	30.694.838	895.251.530
<b>Cộng</b>	<b>510.809.141</b>	<b>12.139.305.500</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam	32.128.318.365	32.128.318.365	25.056.538.650	25.056.538.650
Công ty cổ phần Hà Huy	4.085.678.000	4.085.678.000	4.085.678.000	4.085.678.000
Công ty cổ phần Hawaco	1.573.694.700	1.573.694.700	1.573.694.700	1.573.694.700
Công ty CP Quản Lý & PTHH Đô Thị Vinh	7.626.470.825	7.626.470.825	5.740.597.968	5.740.597.968
Các nhà cung cấp khác	25.084.884.740	25.084.884.740	16.754.821.416	16.754.821.416
<b>Cộng</b>	<b>70.499.046.630</b>	<b>70.499.046.630</b>	<b>53.211.330.734</b>	<b>53.211.330.734</b>

### 12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đại Huệ	278.181.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Vinh	-	355.000.000
Khách hàng trả trước tiền nước	2.133.928.465	37.576.341
Các khách hàng khác	1.907.731.615	1.045.679.042
<b>Cộng</b>	<b>4.319.841.080</b>	<b>1.438.255.383</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm	Số nộp thừa cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	206.552.406	4.443.311.801	4.649.864.207	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu		293.890.411	293.890.411	-	-
Thuế GTGT của Dự Án PCV	8.905.413.327	-	2.000.000.000	6.905.413.327	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.185.757	37.301.593	107.236.034	-	61.748.684
Thuế thu nhập cá nhân	45.411.643	20.460.150	45.411.643	20.460.150	-
Thuế tài nguyên	6.800.760	92.209.120	91.061.060	7.948.820	-
Tiền thuê đất		101.805.066	101.805.066	-	-
Các loại thuế khác		22.804.306	21.984.910	819.396	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	489.815.209	6.018.913.824	6.019.897.342	488.831.691	-
<b>Cộng</b>	<b>9.662.179.102</b>	<b>11.030.696.271</b>	<b>13.331.150.673</b>	<b>7.423.473.384</b>	<b>61.748.684</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Thuế suất 5% đối với nước bán sử dụng mục đích sinh hoạt.

Thuế Suất 10% đối với nước đóng chai.

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	2.586.316.513	2.830.440.533
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	318.872.580	289.981.388
Trích trước chi phí sửa chữa	9.245.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	249.720.000	949.737.651
<b>Cộng</b>	<b><u>12.399.909.093</u></b>	<b><u>4.070.159.572</u></b>

**15. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	453.605.442	206.137.766
Bảo hiểm xã hội	53.197.097	133.437.416
Phải trả liên doanh Vatech Wabag Wassenco	377.466.458	377.466.458
Phải trả liên doanh Yietc constrensium Holdings	256.204.277	256.204.277
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	77.084.800	23.995.000
Phải trả ông Phạm Văn Quế tiền vay vốn	1.100.592.274	1.100.592.274
Phải trả phí bảo vệ môi trường	1.235.929.364	582.035.150
Phải trả phí thoát nước	194.721.390	171.955.554
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.730.911.382	2.931.752.675
<b>Cộng</b>	<b><u>6.494.012.484</u></b>	<b><u>5.797.876.570</u></b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả dự án Vinh	9.253.288.004	9.253.288.004	9.253.288.004	9.253.288.004
Vay dài hạn đến hạn trả dự án phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552	17.033.174.552	17.033.174.552
Tiền nộp thuế đến hạn trả	298.805.000	298.805.000	298.805.000	298.805.000
<b>Cộng</b>	<b><u>26.585.267.556</u></b>	<b><u>26.585.267.556</u></b>	<b><u>26.585.267.556</u></b>	<b><u>26.585.267.556</u></b>

*Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	26.585.267.556	26.585.267.556	(26.585.267.106)	(450)	26.585.267.556
<b>Cộng</b>	<b><u>26.585.267.556</u></b>	<b><u>26.585.267.556</u></b>	<b><u>(26.585.267.106)</u></b>	<b><u>(450)</u></b>	<b><u>26.585.267.556</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn dự án Vinh (i)	60.146.372.032	60.146.372.032	69.399.660.036	69.399.660.036
Vay dài hạn dự án phụ cận Vinh (ii)	195.881.507.364	195.881.507.364	212.914.681.916	212.914.681.916
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (iii)	1.792.829.979	1.792.829.979	2.091.634.979	2.091.634.979
Vay dài hạn Tiểu dự án mạng giảm thất thoát nước Thành phố Vinh (iv)	1.386.021.247	1.386.021.247	1.386.021.247	1.386.021.247
<b>Cộng</b>	<b>259.206.730.622</b>	<b>259.206.730.622</b>	<b>285.791.998.178</b>	<b>285.791.998.178</b>

(i) Khoản vay theo hiệp định vay phụ ngày 28/08/1997 giữa Bộ tài chính và công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (Nay là công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An), theo đó Bộ tài Chính đồng ý chuyển cho Công ty vay lại khoản vay bằng đồng Việt Nam tương đương 7.627.000 SDR (11.030.000 USD) theo hiệp định vay số 1514 ký ngày 11/6/1997 do Nước CHXHCN Việt Nam ký với Ngân hàng phát triển Châu Á. Thời hạn của khoản vay là 25 năm, thời gian ân hạn 05 năm kể từ ngày rút vốn, lãi suất 6,8%/năm, tiền gốc và lãi được thanh toán 6 tháng/lần vào các ngày 15/1 và 15/7 bắt đầu từ khi hết thời gian ân hạn. Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 4 năm 2008 điều chỉnh số tiền gốc của khoản vay phụ là 138.799.320.066 VND, lãi suất được giảm xuống còn 5%/năm

(ii) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn ODA số 63/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Nghệ An và Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp Nước Nghệ An), tổng số tiền vay theo hợp đồng là 10.927.659,57 EUR, trong đó 10.272.000 EUR để tài trợ 100% giá trị hợp đồng thương mại và 655.659,57 EUR để tài trợ toàn bộ phí bảo hiểm tín dụng của cơ quan bảo hiểm tín dụng của Phần Lan. Thời hạn của khoản vay là 20 năm, thời gian ân hạn 02 năm tính từ ngày 05/11/2012, đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam. Lãi suất cho vay lại: 70% số vốn vay áp dụng lãi suất 3,2%/năm tính trên số dư nợ và 30% số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất 5,3%/năm trên số dư nợ, phí cho vay lại là 0,2%/năm tính trên dư nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, giá trị tài sản đảm bảo: 387.555.000.000 VND.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 213/HTPT/TDNN ngày 25 tháng 9 năm 2001 giữa chi nhánh quỹ hỗ trợ phát triển Nghệ An (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An) và Công ty cấp thoát nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An). Tổng mức vốn cho vay là toàn bộ tiền nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu máy móc thiết bị được Bộ tài chính ghi thu ngân sách Nhà nước, tổng số vốn đã được giải ngân là 5.976.099.979 VND. Thời hạn cho vay là 25 năm, thời gian ân hạn 5 năm, lãi suất cho vay 0%/năm, lãi quá hạn 9%/năm theo số dư nợ. Thời điểm trả gốc và phí là ngày 15/1 và 15/7 hàng năm.

(iv) Là phí cam kết phải trả của hợp đồng vay phụ giữa Bộ tài Chính và Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An) cho chương trình phát triển ngành nước Việt Nam, trong đó tổng mức cho vay dự án giai đoạn số 02 là 520.000 USD, dự án giai đoạn số 03 là 19.960.000 USD. Phí cam kết phải trả được tính bằng 0,15% tổng số vốn chưa được giải ngân từ thời điểm bắt đầu hiệp định vay cho dự án giai đoạn 02 là 3.902,01 USD, dự án giai đoạn 03 là 55.724,63 USD. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2019, khoản vay trên vẫn chưa được giải ngân, Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An đang làm thủ tục với Bộ tài chính để xin hủy khoản vay này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	337.573.214	-	-	337.573.214
Quỹ phúc lợi	98.149.140	-	(59.612.909)	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	-	284.327
<b>Cộng</b>	<b>436.006.681</b>	<b>-</b>	<b>(59.612.909)</b>	<b>376.393.772</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	373.859.830.000	(619.505.125)	373.240.324.875
Lợi nhuận trong năm trước	-	27.260.010	27.260.010
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>(592.245.115)</b>	<b>373.267.584.885</b>
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	(592.245.115)	373.267.584.885
Lợi nhuận trong năm nay	-	768.711.499	768.711.499
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>176.466.384</b>	<b>374.036.296.384</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Sông Con	103.419.400.000	103.419.400.000
Ông Nguyễn Đức Hải	89.269.000.000	89.269.000.000
Các cổ đông khác	38.893.070.000	38.893.070.000
<b>Cộng</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>373.859.830.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.385.983	37.385.983
- Cổ phiếu phổ thông	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.385.983	37.385.983
- Cổ phiếu phổ thông	37.385.983	37.385.983
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>253.990.980.366</b>	<b>209.159.704.388</b>
Doanh thu kinh doanh nước sạch	248.534.358.466	204.883.573.675
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	4.601.635.685	3.455.217.385
Doanh thu khác	854.986.215	820.913.328
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>13.788.904</b>	<b>-</b>
Hàng bán bị trả lại	13.788.904	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>253.977.191.462</u></b>	<b><u>209.159.704.388</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh nước sạch, khác	189.465.019.479	155.886.384.153
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	2.716.874.072	2.644.539.381
<b>Cộng</b>	<b><u>192.181.893.551</u></b>	<b><u>158.530.923.534</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	4.477.175.028	2.310.379.182
Doanh thu tài chính khác	375	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.477.175.403</u></b>	<b><u>2.310.379.182</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	14.114.983.495	15.236.445.781
Chi phí tài chính khác	375	-
<b>Cộng</b>	<b><u>14.114.983.870</u></b>	<b><u>15.236.445.781</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.966.868.030	16.548.116.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	792.380.231	768.777.561
Chi phí công cụ, đồ dùng	927.750.411	171.472.223
Chi phí DV thu hộ phí thoát nước	375.469.652	496.914.487
Các chi phí khác	219.767.219	95.800.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.282.235.543</u></b>	<b><u>18.081.080.495</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.866.726.096	15.845.096.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.114.192	510.571.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.336.340	62.681.452
Thuế, phí và lệ phí	452.940.474	174.129.856
Chi phí dự phòng	13.642.746.168	926.808.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.951.296.240	1.818.492.124
Các chi phí khác	4.467.056.463	595.787.343
<b>Cộng</b>	<b><u>36.615.215.973</u></b>	<b><u>19.933.567.250</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt thu được, tiền đấu nối lại đồng hồ	485.633.873	26.024.340
Nợ không phải trả	-	128.299.760
Vật tư thừa khi kiểm kê	21.404.870	67.448.705
Thu nhập kiểm tra chất lượng nước thô	-	77.000.000
Thu nhập bảo dưỡng tuyến nước thô	50.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	1.294.689	175.249.994
<b>Cộng</b>	<b><u>558.333.432</u></b>	<b><u>474.022.799</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ nước không thu hồi được	12.350.545	106.664.324
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	5.483.018
Các khoản khác	7.723	14.496.200
<b>Cộng</b>	<b><u>12.358.268</u></b>	<b><u>126.643.542</u></b>

#### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	806.013.092	35.445.767
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	5.483.017
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	5.483.017
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	806.013.092	40.928.784
Lỗi các năm trước được chuyển	(619.505.125)	-
Thu nhập tính thuế	186.507.967	40.928.784
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b><u>37.301.593</u></b>	<b><u>8.185.757</u></b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>37.301.593</u></b>	<b><u>8.185.757</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	768.711.499	27.260.010
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	768.711.499	27.260.010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	37.385.983	37.385.983
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>20,56</b>	<b>0,73</b>

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.845.748.768	82.451.535.148
Chi phí dụng cụ đồ dùng	962.864.603	924.496.009
Chi phí nhân công	52.125.752.618	54.892.491.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.675.792.970	42.129.366.814
Chi phí sửa chữa cải tạo	22.119.037.762	-
Thuế, phí lệ phí	2.165.476.147	-
Dự phòng	13.642.746.168	926.808.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.909.657.347	3.555.073.294
Chi phí khác	5.380.671.570	11.665.799.443
<b>Cộng</b>	<b>243.827.747.953</b>	<b>196.545.571.279</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Trong năm đơn vị không phát sinh giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ Tiền lương, thưởng	1.422.894.000	2.001.072.280



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là kinh doanh nước sạch diễn ra trên lãnh thổ tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu). Do đó, Công ty không trình bày các thông tin theo bộ phận

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.892.518.528	66.468.355.337	124.892.518.528	66.468.355.337
Phải thu khách hàng	24.895.811.893	34.472.849.088	24.895.811.893	34.472.849.088
Các khoản phải thu khác	3.304.559.260	2.808.972.402	3.304.559.260	2.808.972.402
<b>Cộng</b>	<b>153.092.889.681</b>	<b>103.750.176.827</b>	<b>153.092.889.681</b>	<b>103.750.176.827</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	285.791.998.178	312.377.265.734	285.791.998.178	312.377.265.734
Phải trả người bán	70.499.046.630	53.211.330.734	70.499.046.630	53.211.330.734
Các khoản phải trả khác	27.366.631.554	16.674.138.051	27.366.631.554	16.674.138.051
<b>Cộng</b>	<b>383.657.676.362</b>	<b>382.262.734.519</b>	<b>383.657.676.362</b>	<b>382.262.734.519</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	26.585.267.556	106.341.070.224	152.865.660.398	285.791.998.178
Phải trả người bán	70.499.046.630	-	-	70.499.046.630
Các khoản phải trả khác	27.366.631.554	-	-	27.366.631.554
<b>Cộng</b>	<b>124.450.945.740</b>	<b>106.341.070.224</b>	<b>152.865.660.398</b>	<b>383.657.676.362</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	26.585.267.556	106.341.070.224	179.450.927.954	312.377.265.734
Phải trả người bán	53.211.330.734	-	-	53.211.330.734
Các khoản phải trả khác	16.674.138.051	-	-	16.674.138.051
<b>Cộng</b>	<b>96.470.736.341</b>	<b>106.341.070.224</b>	<b>179.450.927.954</b>	<b>382.262.734.519</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### **7. Thay đổi ước tính kế toán**

Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 14/BB-HĐQT và Quyết định của Hội đồng quản trị số 22/QĐ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2019 đã thông qua phương án thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định của Công ty để sớm thu hồi vốn, đồng thời đổi mới công nghệ, tạo nguồn vốn để thực hiện dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh giai đoạn 01. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm 2019 của Công ty tăng lên 18.478.355.252 VND so với cùng kỳ năm trước.

### **8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung.

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2020

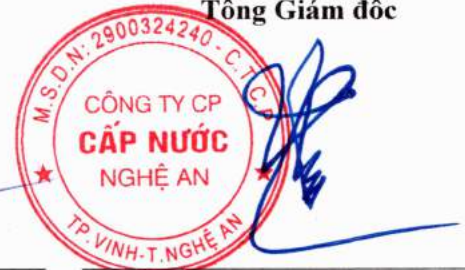
Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải